

Số: 25/2024/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 5 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định đối tượng, mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp,
đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi hành án hình sự về tái hòa nhập cộng đồng;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của
Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào
tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ
sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6
năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư
số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản
lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;



Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 82/TTr-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định đối tượng, mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 353/BC-VHXXH ngày 28 tháng 5 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đối tượng hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

1. Người khuyết tật; người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; người dân tộc thiểu số; người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh; lao động nữ bị mất việc làm; ngư dân; người thuộc hộ cận nghèo; phụ nữ, lao động nông thôn theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Người chấp hành xong hình phạt tù theo quy định tại Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát, Kiểm soát viên thuộc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023.

4. Người lao động thuộc hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Người học tham gia các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng được lựa chọn nghề học, cơ sở đào tạo.

2. Mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần. Trường hợp người học đồng thời thuộc nhiều đối tượng được quy định trong Nghị quyết này chỉ được hưởng một mức hỗ trợ đào tạo cao nhất. Trường hợp người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm nhưng tối đa không quá 03 lần.

Điều 3. Mức hỗ trợ chi phí đào tạo

1. Người khuyết tật: Mức hỗ trợ 06 triệu đồng/người/khóa học.
2. Người thuộc hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người thuộc hộ nghèo ở các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ 04 triệu đồng/người/khóa học.
3. Người dân tộc thiểu số; người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh; lao động nữ bị mất việc làm; ngư dân: Mức hỗ trợ 03 triệu đồng/người/khóa học.
4. Người thuộc hộ cận nghèo; người lao động thuộc hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp: Mức hỗ trợ 2,5 triệu đồng/người/khóa học.
5. Phụ nữ, lao động nông thôn, người chấp hành xong hình phạt tù không thuộc các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên thuộc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Mức hỗ trợ 02 triệu đồng/người/khóa học.

Điều 4. Điều kiện và hình thức hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ
 - a) Các đối tượng được quy định trong Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
 - b) Người chấp hành xong hình phạt tù được quy định tại Nghị định số 49/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ: Có giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù.
 - c) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên thuộc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên trong danh sách được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội thành viên hoặc Đại hội đại biểu thành viên.
 - d) Người lao động thuộc hộ mới thoát nghèo: Trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo.
 - đ) Người lao động có thu nhập thấp: Theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Hình thức hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh.



Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 31 tháng 5 năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2024.

Đối với các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết này được áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đỗ Trọng Hưng